

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/03/2015

Mã chứng khoán: **EVE**

Loại hình: **Báo cáo tài chính hợp nhất**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-28

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	31/03/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	759,007,367,782	707,703,620,303
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10,447,318,925	35,570,707,087
1. Tiền	111	8,801,418,925	27,870,707,087
2. Các khoản tương đương tiền	112	1,645,900,000	7,700,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	187,921,000,000	185,014,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	187,921,000,000	185,014,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	192,692,505,140	159,194,209,436
1. Phải thu khách hàng	131	159,189,093,809	139,778,008,253
2. Trả trước cho người bán	132	34,018,467,340	21,188,660,266
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	0	615,759,578
3. Các khoản phải thu khác	136	6,664,873,706	4,791,711,054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7,237,764,051)	(7,237,764,051)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	57,834,336	57,834,336
Hàng tồn kho	140	355,298,339,774	316,366,626,491
1. Hàng tồn kho	141	359,908,491,030	320,976,777,747
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(4,610,151,256)	(4,610,151,256)
Tài sản ngắn hạn khác	150	12,648,203,943	11,558,077,289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,768,037,924	3,109,363,796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	10,730,166,019	7,733,463,663
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	150,000,000	150,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	565,249,830
TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200	287,446,284,424	278,281,224,139
Các khoản phải thu dài hạn	210	949,083,272	870,437,258
1. Phải thu dài hạn khác	216	949,083,272	870,437,258
Tài sản cố định	220	259,984,538,209	252,005,466,095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	246,045,071,687	237,483,913,479
- Nguyên giá	222	436,026,824,482	420,575,124,472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(189,981,752,795)	(183,091,210,993)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	103,147,390	105,986,308
- Nguyên giá	225	113,556,756	113,556,756
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(10,409,366)	(7,570,448)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13,836,319,132	14,415,566,308
- Nguyên giá	228	38,023,647,876	38,023,647,876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(24,187,328,744)	(23,608,081,568)
Tài sản dở dang dài hạn	240	9,245,000,000	9,245,000,000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9,245,000,000	9,245,000,000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2,638,200,000	2,638,200,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	2,638,200,000	2,638,200,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
Tài sản dài hạn khác	260	14,629,462,943	13,522,120,786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14,629,462,943	13,522,120,786
	270	1,046,453,652,206	985,984,844,442

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/03/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	206,037,603,810	161,537,589,068
Nợ ngắn hạn	310	173,945,247,624	139,985,513,858
1. Phải trả người bán	311	58,718,356,476	42,305,408,549
2. Người mua trả tiền trước	312	7,201,243,891	5,790,882,558
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6,411,672,218	24,103,962,848
4. Phải trả người lao động	314	8,902,942,510	9,335,291,977
5. Chi phí phải trả	315	235,516,909	289,832,104
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	511,113,634	511,113,634
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5,384,384,179	5,371,137,409
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	86,580,017,806	52,277,884,779
Nợ dài hạn	330	32,092,356,186	21,552,075,210
1. Phải trả dài hạn khác	333	3,618,669,500	3,618,669,499
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21,140,711,511	10,196,802,661
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	7,332,975,175	7,736,603,050
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	840,416,048,397	824,447,255,374
Vốn chủ sở hữu	410	840,416,048,397	824,447,255,374
1. Vốn điều lệ	411	279,865,180,000	279,865,180,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	191,000,000,000	191,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(10,491,434,356)	(10,491,434,356)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	414	7,068,695,640	8,227,907,722
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(58,673,161)	(72,374,361)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	373,032,280,274	355,917,976,369
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	355,917,976,369	355,917,976,369
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17,114,303,905	
	440	1,046,453,652,207	985,984,844,442



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2015	Quý 1/2014
1. Doanh thu bán hàng	01		178,629,344,795	120,588,166,227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	66,193,862
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	19	178,629,344,795	120,521,972,365
4. Giá vốn hàng bán	11	20	120,176,048,247	84,928,799,948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		58,453,296,548	35,593,172,417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2,052,206,978	2,326,390,951
7. Chi phí tài chính	22	22	1,682,177,475	96,568,403
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		429,613,456	54,156,099
8. Chi phí bán hàng	24		15,315,619,293	16,737,746,977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20,799,370,545	18,536,736,294
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		22,708,336,213	2,548,511,694
11. Thu nhập khác	31		667,714,028	245,939,657
12. Chi phí khác	32		1,195,350,266	150,023,726
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(527,636,238)	95,915,931
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22,180,699,975	2,644,427,625
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	5,066,396,070	538,925,966
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		17,114,303,905	2,105,501,659



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách Tài chính





Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2015	Quý 1/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22,180,699,975	2,644,427,625
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7,472,627,896	6,025,222,484
Các khoản dự phòng	03	-	(527,050,320)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(3,325,501,567)
Chi phí lãi vay	06	-	54,156,095
Doanh thu lãi tiền gửi			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	29,653,327,871	4,871,254,321
Thay đổi các khoản phải thu	09	(35,929,748,230)	(4,417,351,421)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(43,541,864,539)	(9,880,110,841)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15,744,638,098	1,580,510,423
Thay đổi chi phí trả trước	12	233,983,715	(1,630,158,037)
Tiền lãi vay đã trả	13	(429,613,456)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19,002,349,586)	(25,470,175,079)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,145,510,882)	(3,067,258,617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54,417,137,009)	(38,013,289,251)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(15,451,700,010)	(396,290,000)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	354,200,000	-
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(187,921,000,000)	(133,092,552,889)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	185,014,000,000	111,358,438,368
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,052,206,978	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15,952,293,032)	(22,130,404,521)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73,136,514,864	33,445,524,667
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27,890,472,986)	(470,000,000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	45,246,041,878	32,975,524,667
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50	(25,123,388,163)	(27,168,169,105)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35,570,707,087	51,350,127,075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	10,447,318,924	24,181,957,970


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo quyết định số 247/2010-QĐ-SGDHCM

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất vải không dệt, vải lọc ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác

Thực hiện quyền nhập khẩu và quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ, lập cơ sở bán lẻ thứ nhất và nhượng quyền thương mại) các loại máy móc, nguyên vật liệu và các sản phẩm trong ngành sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chần ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Thực hiện quyền xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, ni, chần ga trải giường, gối, đệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chần ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền xuất khẩu hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Hưng Yên	Văn Lâm, Hưng Yên	Sản xuất kinh doanh chần ga gối đệm...
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh chần ga
Chi nhánh tại Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh chần ga gối đệm...
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh chần ga,
Chi nhánh tại Hòa Bình	Lương Sơn, Hòa Bình	Trung bày sản phẩm

Danh sách công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31/03/2015 như sau:

Công ty con này là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại Số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Campuchia. Hoạt động

chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng khác; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm theo dương lịch của Công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

Quý 1 tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

Cơ sở hợp nhất báo cáo

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Việt nam đồng

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính tuân thủ theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

Kỳ phiếu, tín phiếu, kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”

Có thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản dài hạn

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo hoạt động kinh doanh trong năm

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá

bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu trong hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài chính, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2015 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15

Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê trả trước tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết trong kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và loại nguyên tệ phải trả và tuân theo nguyên tắc:

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập của người mua, gồm các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ, các khoản phải trả liên quan đến chi trả tài chính như các khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, các chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả, các khoản phải trả do bên thứ 3 chi hộ, các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, các khoản phải trả về BHXH, BHYT, KPCD ...

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính

Hạch toán chi tiết và theo dõi theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm khoản doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng trả tiền mua cho số lượng sản phẩm của công ty trong một thời gian quy định

Trợ cấp nghỉ việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ

cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thời việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 42 của Bộ luật Lao động

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hay phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Không có khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính bao gồm:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Giá vốn hàng bán

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận bao gồm chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay, chi phí góp vốn... Các hoạt động này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ và không bù trừ với doanh thu tài chính

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, dịch vụ

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí liên quan đến lương của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các chi phí có liên quan như BHXH, BHYT ... và các chi phí có liên quan đến hoạt động của công ty

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	503,799,268	403,892,158
Tiền gửi ngân hàng	8,297,619,658	27,466,814,929
Các khoản tương đương tiền (*)	1,645,900,000	7,700,000,000
	<u>10,447,318,925</u>	<u>35,570,707,087</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn tại bất kỳ thời điểm nào.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	187,921,000,000	185,014,000,000

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2,638,200,000	2,638,200,000

Cổ phiếu giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 tương đương 2.638.200.000 VND, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	159,189,093,809	139,778,008,253
Dự phòng phải thu khó đòi	(7,237,764,051)	(7,237,764,051)

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9,631,599	1,227,767,840
Nguyên liệu, vật liệu	195,019,067,432	172,643,134,209
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,076,588,503	1,195,161,225
Thành phẩm	150,681,501,726	129,299,308,485
Hàng hoá	9,435,447,402	10,887,345,939
Hàng gửi đi bán	3,686,254,368	-
	<u>359,908,491,030</u>	<u>315,252,717,698</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,610,151,256)	(4,610,151,256)

8. TÀI SẢN THIỂU CHỖ XỬ LÝ

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền	-	-
Hàng tồn kho	57,834,336	57,834,336
Tài sản cố định		
Tài sản khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAMXã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	156,254,016,710	215,220,435,086	19,558,307,115	11,180,767,830	18,361,597,731	420,575,124,472
Tăng trong kỳ	-	19,181,767,979	-	5,072,947,616	-	24,254,715,595
Giảm trong kỳ	-	(8,226,766,429)	-	(576,249,156)	-	(8,803,015,585)
Tại ngày 31/03/2015	156,254,016,710	226,175,436,636	19,558,307,115	15,677,466,290	18,361,597,731	436,026,824,482
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	32,725,064,460	126,273,071,530	8,036,646,832	9,458,328,355	6,598,099,816	183,091,210,993
Trích vào chi phí trong kỳ	1,506,931,665	6,854,689,190	354,155,855	554,717,316	532,021,884	9,802,515,910
Phân loại lại	-	(2,514,557,432)	-	(397,416,676)	-	(2,911,974,108)
Tại ngày 31/03/2015	34,231,996,125	130,613,203,288	8,390,802,687	9,615,628,995	7,130,121,700	189,981,752,795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/03/2015	122,022,020,585	95,562,233,348	11,167,504,428	6,061,837,295	11,231,476,031	246,045,071,687
Tại ngày 01/01/2015	123,528,952,250	88,947,363,556	11,521,660,283	1,722,439,475	11,763,497,915	237,483,913,479

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Máy photocopy</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm	105,986,308	105,986,308
- Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số cuối quý	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	7,570,448	7,570,448
- Khấu hao trong năm	2,838,918	2,838,918
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số cuối quý	10,409,366	10,409,366
		-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	105,986,308	105,986,308
Số cuối quý	103,147,390	103,147,390

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	23,494,500,000	7,831,500,000	6,010,754,189	686,893,687	38,023,647,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	23,494,500,000	7,831,500,000	6,010,754,189	686,893,687	38,023,647,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	13,684,515,798	6,282,411,850	2,954,260,233	686,893,687	23,608,081,568
Trích vào chi phí trong n	321,957,303	129,090,674	128,199,199	-	579,247,176
Tại ngày 31/03/2015	14,006,473,101	6,411,502,524	3,082,459,432	686,893,687	24,187,328,744
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/03/2015	9,488,026,899	1,419,997,476	2,928,294,757	-	13,836,319,132
Tại ngày 01/01/2015	9,809,984,202	1,549,088,150	3,056,493,956	-	14,415,566,308

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí SXKD, dở dang dài hạn		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9,245,000,000	9,245,000,000
	<u>9,245,000,000</u>	<u>9,245,000,000</u>

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/03/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH Shinhan VietNa	23,100,416,593	23,100,416,593		18,542,215,142	41,642,631,735	41,642,631,735
Ngân hàng Worri, chi nhánh Hà nộ	30,466,273,751	30,466,273,751	30,466,273,751	8,510,653,044	8,510,653,044	8,510,653,044
Ngân hàng TNHH ANZ Việt nam	7,895,160,689	7,895,160,689	7,895,160,689			
Ngân hàng Ngoại thương VN, chi nhánh Hưng Yên	23,826,366,773	23,826,366,773	23,826,366,773			
EP International Co	1,291,800,000	1,291,800,000		832,800,000	2,124,600,000	2,124,600,000
	86,580,017,806	86,580,017,806	62,187,801,213	27,885,668,186	52,277,884,779	52,277,884,779

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất (%)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Sinhan Việt nam	2.73%	6 tháng	2.000.000 USD	23,100,416,593	Tín chấp
Ngân hàng Worri, chi nhánh Hà nội	2.73	6 tháng	2.000.000 USD	30,466,273,751	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	2.15	6 tháng	2.000.000 USD	7,895,160,689	Tài sản cố định và thành phẩm
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	2.5	6 tháng	50.000.000.000	23,826,366,773	Tài sản cố định và thành phẩm
Công ty EP International	5%	11 tháng	100.000 USD	1,291,800,000	Không

VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH Shinhan VietNam	21,043,562,750	21,043,562,750	10,948,713,650		10,094,849,100	10,094,849,100
Công ty thuế tài chính quốc tế	97,148,761	97,148,761		4,804,800	101,953,561	101,953,561
	21,140,711,511	21,140,711,511	10,948,713,650	4,804,800	10,196,802,661	10,196,802,661

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất (%)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Sinhan Việt nam	2.93%	5 năm	1.000.000 USD	21,043,562,750	Tín chấp

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Đây là khoản nợ thuê máy photo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 03 năm 2014 giữa công ty và Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn là 48 tháng và lãi suất là 1.83%/tháng

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,502,412,274	95,127,000
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,231,216,206	23,233,565,792
Thuế thu nhập cá nhân	664,713,209	772,724,526
Các loại thuế khác	13,330,529	2,545,530
	<u>6,411,672,218</u>	<u>24,103,962,848</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/03/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
Phải trả người bán	58,718,356,476	58,718,356,476	42,305,408,549	42,305,408,549

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAMXã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	11,033,838,777	32,749,178	305,831,631,844	777,271,965,443	
Lợi nhuận trong năm				4,241,907,050		84,515,502,507	84,515,502,507	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối						(4,241,907,050)		
Cổ tức đã chia						(30,224,710,450)	(30,224,710,450)	
Chênh lệch tỷ giá				(7,047,838,105)	(105,123,539)	37,459,518	(67,664,021)	
Giảm khác							(7,047,838,105)	
Số dư tại ngày 01/01/2015	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	8,227,907,722	(72,374,361)	355,917,976,369	824,447,255,374	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17,114,303,905	17,114,303,905	
Giảm khác (iii)	-	-	-	(1,159,212,082)	13,701,200		(1,145,510,882)	
Số dư tại ngày 31/03/2015	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	7,068,695,640	(58,673,161)	373,032,280,274	840,416,048,397	

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 29 tháng 09 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27.986.518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/03/2015	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15.98%	4,471,200	44,712,000,000	15.98%	44,712,000,000
Quỹ Đầu tư Red River Holdings				12.52%	34,434,000,000
Ngân hàng thương mại cổ phần tiên phong				10.49%	28,854,050,000
Quỹ thành viên Việt Nhật				6.54%	18,000,000,000
Các cổ đông khác	84.02%	23,515,318	235,153,180,000	54.47%	153,865,130,000
	100%	27,986,518	279,865,180,000	100%	279,865,180,000

*Cổ phiếu***ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON****CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	31/03/2015	01/01/2015
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7,068,695,640	8,227,907,722

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	118,485,009,130	64,728,350,835
Doanh thu thành phẩm bông	60,144,335,665	55,859,815,392
	<u>178,629,344,795</u>	<u>120,588,166,227</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	66,193,862
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	66,193,862
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>178,629,344,795</u>	<u>120,521,972,365</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	71,568,719,942	49,163,734,290
Giá vốn thành phẩm bông	48,607,328,305	35,765,065,658
	<u>120,176,048,247</u>	<u>84,928,799,948</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	1,455,762,554	1,871,247,800
Lãi chênh lệch tỷ giá	372,844,424	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223,600,000	180,959,178
	<u>2,052,206,978</u>	<u>2,052,206,978</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	429,613,456	54,156,099
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,252,564,019	42,412,304
	<u>1,682,177,475</u>	<u>96,568,403</u>

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Quý 1/2014</u>	<u>Quý 1/2013</u>
Thanh lý nhượng bán TSCD	354,200,000	
Thu nhập khác	313,514,028	245,939,657
	<u>667,714,028</u>	<u>245,939,657</u>

22. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Quý 1/2014</u>	<u>Quý 1/2013</u>
Chi phí khác	1,195,350,266	150,023,726
	<u>1,195,350,266</u>	<u>150,023,726</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89,981,312,121	72,476,640,151
Chi phí nhân công	32,308,214,979	30,769,728,552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,472,627,896	7,176,556,081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,031,089,923	14,882,267,251
Chi phí khác bằng tiền	4,373,016,019	4,615,286,066
	149,166,260,938	129,920,478,101

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	22,180,699,975	2,644,427,625
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		-
Thu nhập chịu thuế	22,180,699,975	2,644,427,625
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được ưu đãi thuế ở mức thuế suất 20%</i>	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế suất thông thường</i>	22,180,699,975	2,644,427,625
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,066,396,070	538,925,966
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,066,396,070	538,925,966

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,447,318,925	35,570,707,087
Đầu tư ngắn hạn	187,921,000,000	185,014,000,000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	158,616,203,465	137,331,955,256
Đầu tư dài hạn	0	0
Tổng cộng	356,984,522,389	357,916,662,343
Công nợ tài chính		
Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn	86,580,017,806	52,277,884,779
Phải trả người bán	58,718,356,476	42,305,408,549
vay và thuê nợ tài chính dài hạn	21,140,711,511	10,196,802,661
Chi phí phải trả	235,516,909	289,832,104
Phải trả dài hạn khác	3,618,669,500	3,618,669,499
Tổng cộng	170,293,272,202	108,688,597,592

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	107,720,729,317	62,474,687,440
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	10,447,318,925	35,570,707,087
Nợ thuần	97,273,410,393	26,903,980,353
Vốn chủ sở hữu	840,416,048,397	824,447,255,374
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0.12	0.03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

31/03/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,447,318,925	-	10,447,318,925
Đầu tư ngắn hạn	187,921,000,000	-	187,921,000,000
Phải thu khách hàng	158,616,203,465	-	158,616,203,465
Đầu tư dài hạn	-	-	0
Tổng cộng	356,984,522,389	-	356,984,522,389
31/03/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	86,580,017,806	-	86,580,017,806
Phải trả người bán	58,718,356,476	-	58,718,356,476
Vay dài hạn	-	21,140,711,511	21,140,711,511
Chi phí phải trả	235,516,909	-	235,516,909
Phải trả dài hạn khác	-	3,618,669,500	3,618,669,500
	145,533,891,191	24,759,381,011	170,293,272,202
Chênh lệch thanh khoản thuần	211,450,631,198	-24,759,381,011	186,691,250,187

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Quý 1/2015</u>	<u>Quý 1/2014</u>
	VND	0
Lương gộp và các quyền lợi khác	3,813,257,108	4,028,480,799

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác... Công ty và công ty con có hoạt động sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam và Campuchia. Tỷ lệ tài sản và doanh thu tại Campuchia chiếm dưới 10% trên tổng tài sản và doanh thu của Công ty và các công ty con. Theo đó Công ty và công ty con được coi là một bộ phận của lập báo cáo tài chính và không cần phải lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Căn cứ thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc ban hành, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015

Căn cứ vào quy định tại mục 31, chuẩn mực kế toán số 21- trình bày báo cáo tài chính “ Khi thay đổi cách trình bày hoặc phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính thì phải phân loại lại các số liệu so sánh nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại và trình bày tính chất, số lượng và lý do việc phân loại lại”

Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Khoản mục trên bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2014 số kiểm toán	Thay đổi	Mã số trình bày lại	Số liệu trình bày lại ngày 31/12/2014
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	185,629,759,578	(615,759,578)	120	185,014,000,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			185,014,000,000	123	185,014,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	156,924,515,106	2,269,694,330	130	159,194,209,436
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	615,759,578	135	615,759,578
Các khoản phải thu khác	135	3,195,610,638	1,596,100,416	136	4,791,711,054
Tài sản thiếu cần xử lý			57,834,336	139	57,834,336
Tài sản ngắn hạn khác	150	13,212,012,041	(1,653,934,752)	150	11,558,077,289
Tài sản ngắn hạn khác	158	2,219,184,582	(1,653,934,752)	158	565,249,830
Các khoản phải thu dài hạn	210	304,092,883	566,344,375	210	870,437,258
Phải thu dài hạn khác	218	304,092,883	566,344,375	216	870,437,258
Tài sản cố định	220	261,250,466,095	(9,245,000,000)	220	252,005,466,095
Tài sản dở dang dài hạn			9,245,000,000	240	9,245,000,000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9,245,000,000	(9,245,000,000)	242	9,245,000,000
Tài sản dài hạn khác	260	14,088,465,161	(566,344,375)	260	13,522,120,786
Tài sản dài hạn khác	268	566,344,375	(566,344,375)		
Vay ngắn hạn	311	52,277,884,779	(52,277,884,779)		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			52,277,884,779	320	52,277,884,779
Vay và nợ dài hạn	334	10,196,802,661	(10,196,802,661)		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			10,196,802,661	338	10,196,802,661
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			511,113,634	318	511,113,634
Các khoản phải nộp phải trả ngắn hạn	319	5,882,251,043	(511,113,634)	319	5,371,137,409
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	355,917,976,369	(355,917,976,369)	421	355,917,976,369
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			355,917,976,369	421a	355,917,976,369

Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 chuyển sang ngày 01/01/2015 đã được công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán và được trình bày lại

Các số liệu so sánh khác được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2014 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

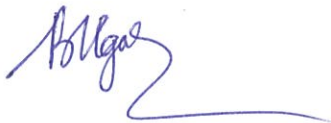
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUÝ 1/2015**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam xin được giải trình chênh lệch biến động tăng của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2015 so với quý 1 năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 1	178,629,344,795	120,521,972,365	48
Lợi nhuận sau thuế quý 1	17,114,303,905	2,105,501,659	71

Doanh thu quý 1 năm 2015 tăng 48 % so với quý 1 năm 2014 là nhờ vào sự tăng trưởng vượt bậc của ngành chăn ga, doanh thu chăn ga tăng 84 % so với cùng kỳ năm trước là do tăng trưởng đồng bộ cả ở 3 lĩnh vực là hoạt động bán lẻ trong nước, hoạt động kinh doanh B2B (đơn hàng chăn ga dành riêng cho các khách sạn, quà tặng cuối năm cho các doanh nghiệp...) và hoạt động xuất khẩu, công ty đã thực hiện một loạt các chương trình khuyến mại kích cầu người tiêu dùng trước và sau tết Nguyên đán

Sự tăng trưởng của doanh thu góp phần đưa vào lợi nhuận Quý 1.2015 tăng ấn tượng 71 %,



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2015
